

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG MÃ
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 143/2017/HSST
Ngày 21/9/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Phạm Bá Toàn
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
Ông Quàng Văn Tiễn
Bà Phạm Thị Hương
- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:*
Bà Hoàng Thị Nhung - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Sông Mã.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã tham gia phiên toà:*
Bà Lò Thị Thanh - Kiểm sát viên

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 119/2017/HSST ngày 28 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lò Văn T** (tên gọi khác: Lò Văn U) - Sinh ngày 23/9/1992; Nơi ĐKKHKT và nơi ở: bản M, xã M, huyện S, Sơn La; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 5/12; Đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông: Lò Văn N, con bà Quàng Thị P hiện ở bản M, xã M, huyện S, Sơn La; Bị cáo chưa có vợ, con: Chưa có; Tiền án: Ngày 08/6/2011 bị Toà án nhân dân huyện Sốp Cộp xử phạt 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và tội trốn khỏi nơi giam giữ, ngày 19/9/2013 bị Toà án nhân dân huyện Sốp Cộp xử phạt 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, giam từ ngày 17/4/2017 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Người có quyền lợi liên quan:

1. Ông **Lò Văn N**

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Bản M, xã M, huyện S, Sơn La - Vắng mặt.

2. Anh **Lường Văn T**

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Bản M, xã N, huyện S, Sơn La - Vắng mặt.

* Người bị hại: Anh **Trần Văn Q** - Sinh năm 1991

Nơi ĐKKHKT và nơi ở : Bản T, xã N, huyện S, Sơn La. Có mặt

NHẬN THẤY:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Hồi 22 giờ ngày 17/4/2017 Tổ công tác Công an huyện Sông Mã phối kết hợp với Ban công an thị trấn Sông Mã làm nhiệm vụ tại Tổ dân phố 11 thị trấn Sông Mã, Sông Mã phát hiện bắt quả tang Lò Văn T trú tại bản M, xã M, huyện S và Lương Văn T trú tại bản M, xã Nu, S đang có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng nhà trọ của anh Nguyễn Quang T thuộc Tổ dân phố 11 thị trấn S. Thu giữ cạnh vị trí ngồi của Lò Văn T và Lương Văn T 01 gói nilon màu xanh bên trong chứa 05 viên nén màu hồng nghi là Hồng phiến và một số cục bột màu trắng nghi là Heroin, 01 bầu tự chế bằng chai nhựa màu trắng. Ngoài ra, còn tạm giữ của Lò Văn T 01 xe mô tô, tạm giữ của Lương Văn T 01 điện thoại di động.

Ngày 19/4/2017 tại Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La đã tiến hành mở niêm phong, cân tịnh trích mẫu giám định số vật chứng nghi là ma túy đã được thu giữ, kết quả: 05 viên nén màu hồng có trọng lượng 0,48 gam, đã dùng hết làm mẫu giám định ký hiệu T1; chất bột màu trắng có trọng lượng 0,19 gam, đã dùng hết làm mẫu giám định ký hiệu T2.

Tại kết luận giám định số 446/KLMT ngày 21/4/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: Mẫu gửi giám định ký hiệu T2 là chất ma túy, loại chất Heroin, trọng lượng mẫu gửi giám định là 0,19 gam. Mẫu gửi giám định ký hiệu T1 là chất ma túy, loại chất Methamphetamin, trọng lượng mẫu gửi giám định là 0,48 gam.

Quá trình điều tra Lò Văn T khai nhận: Khoảng 14^h00' ngày 17/4/2017 T điều khiển xe mô tô BKS 26K4-1958 của gia đình từ nhà ở bản M, xã M, huyện S đi ra thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã chơi có mang theo số tiền 230.000VNĐ, đi đến khu vực bản Khua Hò, xã Huổi Một, Sông Mã thì T hỏi mua được của một người đàn ông dân tộc Mông không quen biết 06 viên Hồng phiến với một số cục nhỏ Heroin với giá 230.000VNĐ, T dùng mảnh nilon màu xanh gói số Hồng phiến lẫn Hero in lại cất vào túi áo ngực đang mặc rồi điều khiển xe ra thị trấn Sông Mã. Đến khoảng 20^h cùng ngày khi T đi qua Tổ dân phố 6 thị trấn Sông Mã thì gặp Lương Văn T ở bản M, xã N, huyện S đang ngồi ăn bún trong quán, do quen biết nhau từ trước nên Lò Văn T vào quán ngồi nói chuyện với Lương Văn T, Lương Văn T có hỏi Lò văn T có ma túy sử dụng không thì Lò Văn T nói là có Hồng phiến, Lương Văn T rủ Lò Văn T đi tìm phòng trọ để cùng nhau sử dụng ma túy, Lò Văn T đồng ý rồi điều khiển xe mô tô chở Lương Văn T đến thuê phòng trọ của anh Nguyễn Quang T ở Tổ dân phố 11, thị trấn S, tại đây Lò Văn T nhặt vỏ chai nhựa và vỏ bút bi làm bầu hút, sau đó lấy gói ma túy ra đặt ở đệm ngủ rồi lấy 01 viên Hồng phiến ra sử dụng cùng

Lường Văn T bằng hình thức hút qua đầu tự chế, khi hai người đang sử dụng thì bị Tổ công tác Công an huyện Sông Mã phối kết hợp với Ban công an thị trấn Sông Mã phát hiện bắt quả tang, thu giữ toàn bộ chứng. Lò Văn T cũng khai nhận bị cáo mua số ma túy để bản thân sử dụng, ngoài ra không có mục đích nào khác.

Ngoài ra Lò Văn T còn khai nhận: Khoảng 10^h ngày 02/4/2017 T đi xe mô tô BKS 26K4-1958 từ nhà ra thăm chị gái là Lò Thị Q ở bản X, xã N, huyện S, khi đi đến bản Trại Giồng, xã Nà Nghịu thì T thấy đau đầu nên tìm hiệu thuốc để mua cao dán, khi đến gần cửa hiệu thuốc của ông Trần Văn A thì nhìn thấy Trần Văn Q (Con trai ông A) đi làm về dựng xe mô tô Yamaha Exciter BKS 26B1-298.89 trước cửa quán mở cốp xe cất tiền vào trong ví rồi để vào trong cốp xe, sau đó Q đi vào trong nhà nhưng không rút chìa khoá. Thấy vậy, T nảy sinh ý định lấy trộm ví tiền, quan sát thấy không có ai T xuống xe đi bộ đến chỗ xe mô tô của Quỳnh mở cốp lấy chiếc ví, đồng thời rút chìa khoá xe ném đi. Sau đó T điều khiển xe đến cầu cứng Sông Mã mở ví ra kiểm tra thì thấy bên trong ví có 1.600.000VNĐ, 01 tờ tiền giấy cotton mệnh giá 10.000VNĐ, 01 tờ tiền giấy cotton mệnh giá 100VNĐ, 01 thẻ ATM ngân hàng ABBANK, 01 thẻ ATM ngân hàng AGRIBANK, 01 giấy phép lái xe mô tô, 01 giấy đăng ký xe mô tô, 01 giấy chứng minh nhân dân đều mang tên Trần Văn Q, T đã lấy toàn bộ tiền và giấy tờ có trong ví và ném chiếc ví xuống Sông Mã rồi đi về, đến nhà T cắt ảnh 3x4 của mình thay vào ảnh của Q trong giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe nhằm mục đích sử dụng, số tiền 1.600.000VNĐ T đã mua ma túy và chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 06 tháng 5 năm 2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sông Mã đã ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 194/KL ngày 11/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện Sông Mã kết luận: 01 chiếc ví da nhãn hiệu cá sấu màu đen đã qua sử dụng trị giá 300.000VNĐ (ba trăm nghìn đồng).

Do có hành vi nêu trên tại Cáo trạng số 83/KSĐT - MT ngày 27 tháng 7 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã đã truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Sông Mã để xét xử Lò Văn T về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm p khoản 2 Điều 194 BLHS và tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS.

Tại phiên toà kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lò Văn T phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; Áp dụng điểm p khoản 2 Điều 194; khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 50 BLHS năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, Nghị quyết số 01/NQ - HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng thẩm

phán Tòa án nhân dân tối cao, Công văn số 276/TANDTC- PC ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân tối cao; khoản 3 Điều 7 BLHS, điểm n khoản 2 Điều 249 BLHS năm 2015 xử phạt tù 06 - 07 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, 09 - 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung ; Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo; Áp dụng Điều 589 BLDS, Điều 42 BLHS buộc bị cáo bồi thường từ 02 - 03 triệu đồng cho người bị hại; Áp dụng Điều 41 BLHS, Điều 76 BLTTHS trả lại cho ông Lò Văn N chiếc xe máy, trả lại cho Lương Văn T chiếc điện thoại, tịch thu tiêu hủy tàu tự chế, dao dọc giấy và 02 tờ tiền cotton không còn giá trị lưu hành.

Căn cứ vào các tài liệu và chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo.

XÉT THẤY:

Tại phiên toà bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi, bị cáo vẫn giữ nguyên lời khai như đã khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Sông Mã, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án và hoàn toàn nhất trí với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã. Bị cáo khẳng định việc khai báo tại Cơ quan điều tra và tại phiên toà là hoàn toàn tự nguyện và đúng với sự việc bị cáo đã thực hiện - Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với thời gian, địa điểm, diễn biến việc thực hiện tội phạm; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 22h ngày 17 tháng 4 năm 2017; vật chứng bị thu giữ là 05 viên nén màu hồng nghi là Hồng phiến , một số cục bột màu trắng nghi là Hero in, 01 tàu tự chế bằng chai nhựa màu trắng, 01 xe mô tô và 01 điện thoại di động; phù hợp với kết luận giám định số 446/KLMT ngày 21/4/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La : Mẫu gửi giám định ký hiệu T2 là chất ma túy, loại chất Heroin, trọng lượng mẫu gửi giám định là 0,19 gam. Mẫu gửi giám định ký hiệu T 1 là chất ma túy , loại chất Methamphetamin, trọng lượng mẫu gửi giám định là 0,48 gam.

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại Trần Văn Q về việc vào khoảng 13h ngày 02/4/2017 anh có để chiếc xe máy Yamaha Exciter BKS 26B1-298.89 trước cửa nhà, đến khoảng 13h30 khi đi làm anh đã phát hiện toàn bộ tài sản để ở trong chiếc ví mà anh để trong cốp xe đã bị mất, tài sản có trong chiếc ví gồm 1.600.000VNĐ, 01 tờ tiền giấy cotton mệnh giá 10.000VNĐ, 01 tờ tiền giấy cotton mệnh giá 100VNĐ, 01 thẻ ATM ngân hàng ABBANK, 01 thẻ ATM ngân hàng AGRIBANK, 01 giấy phép lái xe mô tô, 01 giấy đăng ký xe mô tô, 01 giấy chứng minh nhân dân . Phù hợp với kết luận định giá tài sản số 194/KL ngày 11/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện Sông Mã: 01 chiếc ví da nhãn hiệu cá sấu màu đen đã qua sử dụng trị giá

300.000VNĐ (ba trăm nghìn đồng). Lời khai của bị cáo cũng phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Đối với hành vi chiếm đoạt tài sản: Ngày 02 tháng 4 năm 2017 bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của anh Trần Văn Q có tổng giá trị là 1.900.000VNĐ (tiền mặt là 1.600.000đ, giá trị chiếc ví là 300.000đ); mặc dù giá trị tài sản bị cáo trộm cắp dưới hai triệu đồng, tuy nhiên trước đó ngày 19/9/2013 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Sốp Cộp xử phạt 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản , chưa được xóa án tích, như vậy tiền án năm 2013 là yếu tố định tội đối với bị cáo.

Đối với hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy: Ngày 17 tháng 4 năm 2017 sau khi mua được 06 viên Hồng phiến và một lượng Heroin tại bản Khua Họ, xã Huổi Một, huyện Sông Mã bị cáo mang ra thị trấn Sông Mã rồi cùng Lường Văn T sử dụng 01 viên Hồng phiến. Trước đó ngày 08/6/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Sốp Cộp xử phạt 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và tội trốn khỏi nơi giam giữ, ngày 19/9/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Sốp Cộp xử phạt 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản , như vậy các tiền án năm 2011 và năm 2013 là yếu tố định khung hình phạt đối với bị cáo.

Hành vi trộm cắp tài sản của người khác có giá trị dưới hai triệu đồng nhưng đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích của bị cáo đã phạm tội Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS.

Hành vi tàng trữ 0,19 gam Heroin và 0,48 gam Methamphetamin nhằm mục đích để sử dụng của bị cáo đã phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm p khoản 2 Điều 194 BLHS, thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

Hội đồng xét xử thống nhất nhận định, đánh giá như sau:

Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, bị cáo nhận thức được việc tàng trữ chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng đã bất chấp pháp luật cố tình thực hiện tội phạm, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an ở địa phương, là mầm mống phát sinh các loại tội phạm khác, gây bức xúc trong xã hội. Đối với hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo đã gây hoang mang trong dư luận, gây mất trật tự trị an tại địa phương, bị cáo nhận thức được tài sản không thuộc quyền sở hữu của mình là bất khả xâm phạm và được Pháp luật bảo vệ nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân đã bất chấp pháp luật, cố tình thực hiện tội phạm.

Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Tại cơ quan điều tra và tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải với việc làm của bản thân - áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Thời điểm bị cáo phạm tội Bộ luật hình sự năm 2015 chưa có hiệu lực pháp luật nhưng tại điểm b, Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội khóa 14 quy định : “ Các điều khoản của Bộ luật hình sự 2015 xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng; quy định hình phạt nhẹ hơn, tình tiết giảm nhẹ mới; miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, xóa án tích và các quy định khác có lợi cho người phạm tội thì được áp dụng đối với cả những hành vi phạm tội xảy ra trước 0 giờ 00 ngày 01 tháng 01 năm 2018 mà sau thời điểm đó mới bị phát hiện, đang bị điều tra, truy tố, xét xử hoặc đối với người đang được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt, xóa án tích ”.

Khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: “ Điều luật xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng, quy định một hình phạt nhẹ hơn, một tình tiết giảm nhẹ mới hoặc mở rộng phạm vi áp dụng án treo, miễn trách nhiệm hình sự, loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, tha tù trước thời hạn có điều kiện, xóa án tích và quy định khác có lợi cho người phạm tội thì được áp dụng đối với cả những hành vi phạm tội đã thực hiện trước khi điều luật có hiệu lực thi hành ”.

Căn cứ các quy định nêu trên so sánh quy định tại khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 và khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 thấy:

Khoản 2 Điều 249 BLHS năm 2015 quy định về trường hợp phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm thì có khung hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm;

Khoản 2 Điều 194 BLHS năm 1999 quy định về trường hợp phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm thì có khung hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm;

Như vậy khoản 2 Điều 249 BLHS năm 2015 quy định có lợi hơn cho người phạm tội - Cần xem xét áp dụng quy định tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 249 BLHS năm 2015 để quyết định hình phạt theo hướng có lợi cho bị cáo; Tuy nhiên cũng cần căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, để có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội nhằm trừng phạt, cải tạo, giáo dục bị cáo

thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật, răn đe, phòng ngừa và thực hiện nhiệm vụ đấu tranh tội phạm nói chung và phòng chống tệ nạn ma túy tại địa phương nói riêng.

Về hình phạt bổ sung - Phạt tiền: Cơ quan điều tra đã làm rõ bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên cần miễn cho bị cáo.

Về thiệt hại và trách nhiệm bồi thường: Tài sản bị cáo đã chiếm đoạt của anh Trần Văn Q gồm 1.600.000VNĐ, 01 tờ tiền giấy cotton mệnh giá 10.000VNĐ, 01 tờ tiền giấy cotton mệnh giá 100VNĐ, 01 thẻ ATM ngân hàng ABBANK, 01 thẻ ATM ngân hàng AGRIBANK, 01 giấy phép lái xe mô tô, 01 giấy đăng ký xe mô tô, 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 chiếc ví có giá trị 300.000đ. Về số tiền bị cáo đã sử dụng hết, chiếc ví bị cáo đã vứt đi không thu hồi lại được, còn các tài sản khác đã thu hồi lại được, tuy nhiên 01 giấy phép lái xe mô tô, 01 giấy chứng minh nhân dân bị cáo đã bóc ảnh nên không còn giá trị sử dụng. Tại phiên tòa người bị hại Trần Văn Q đề nghị buộc bị cáo phải bồi thường cho anh số tiền 3.300.000đ, bao gồm khoản tiền 1.600.000VNĐ, chiếc ví giá trị 300.000đ và tiền đi làm lại giấy chứng minh thư nhân dân và giấy phép lái xe. Xét thấy đề nghị của người bị hại là phù hợp và có căn cứ, nên cần buộc bị cáo phải bồi thường.

Về vật chứng vụ án: Đối với chiếc xe máy quá trình điều tra đã xác định được chiếc xe thuộc sở hữu của ông Lò Văn N (bố bị cáo), khi bị cáo dùng làm phương tiện đi mua ma túy ông N không biết, cần trả lại cho ông N; đối với chiếc điện thoại tạm giữ của Lương Văn T do không liên quan đến vụ án cần trả lại cho Lương Văn T; Đối với 01 tẩu tự chế, 01 lưỡi dao dọc giấy, 01 dũa cưa đã hoen rỉ cần tịch thu tiêu hủy; Đối với 01 tờ tiền cotton mệnh giá 10.000đ, 01 tờ tiền cotton mệnh giá 100đ, là tiền do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành mặc dù hiện nay không còn giá trị lưu hành, tuy nhiên người bị hại Trần Văn Q xin giữ lại để làm kỷ niệm, cần xem xét trả lại cho anh Q (Ngoài ra vật chứng được Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã chuyển cùng hồ sơ vụ án gồm 01 thẻ ATM ngân hàng ABBANK, 01 thẻ ATM ngân hàng AGRIBANK, 01 giấy phép lái xe mô tô, 01 giấy đăng ký xe mô tô, 01 giấy chứng minh nhân dân, trong đó giấy chứng minh thư nhân dân và giấy phép lái xe đã bị bị cáo bóc ảnh và dán ảnh của bị cáo vào đã được Tòa án nhân dân huyện trả lại cho người bị hại).

Về vấn đề khác liên quan đến vụ án: Đối với Lương Văn T có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy cùng Lò Văn T, ngày 19/4/2017 Tòa án nhân dân huyện Sông Mã đã ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ cai nghiện bắt buộc với thời hạn 22 tháng là phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với người đàn ông dân tộc Mông không quen biết tại khu vực bản

Khuia Họ, xã Huồi Một mà bị cáo khai đã bán ma túy cho bị cáo vào ngày 17/4/2017 do bị cáo không biết tên, địa chỉ cụ thể, ngoài lời khai của bị cáo không có chứng cứ khác, nên Cơ quan điều tra Công an huyện Sông Mã không có căn cứ để điều tra, xác minh, mở rộng vụ án. Đối với chủ nhà trọ anh Nguyễn Quang T, khi cho Lò Văn T và Lương Văn T thuê phòng trọ không biết mục đích là để vào sử dụng ma túy nên không đặt vấn đề xử lý là đảm bảo.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định.
Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1- Tuyên bố: Bị cáo Lò Văn T phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng điểm p khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7, điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt Lò Văn T 06 (sáu) năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy;

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt Lò Văn T 09 (chín) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản;

Áp dụng Điều 50 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Lò Văn T phải chấp hành hình phạt chung là 06 năm 09 tháng (sáu năm chín tháng) tù - Thời hạn thụ hình tính từ ngày bị giữ, giam (ngày 17/4/2017).

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Lò Văn T bồi thường cho người bị hại Trần Văn Q, nơi ĐKKHKT và nơi ở : Bản T, xã N, huyện S, Sơn La số tiền 3.300.000VNĐ (ba triệu ba trăm ngàn đồng) trong đó: 1.600.000VNĐ là số tiền bị cáo đã trộm cắp, 300.000VNĐ là giá trị chiếc ví, 1.400.000VNĐ là khoản tiền chi phí cho việc làm lại chứng minh thư nhân dân và giấy phép lái xe.

3- Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; điểm a,b,d khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) tẩu tự chế làm bằng lọ la vi, 01(một) lưỡi dao dọc giấy, 01 (một) dũa cửa sắt hình tròn đã cũ, hoen rỉ.

- Trả lại cho người bị hại Trần Văn Q, nơi ĐKKHKT và nơi ở: bản, xã N, huyện S, Sơn La: 01(một) tờ tiền giấy đã cũ mệnh giá 10.000đồng, tiền VNĐ; 01 (một) tờ tiền giấy đã cũ mệnh giá 100đồng, tiền VNĐ; không còn lưu hành trên thị trường.

- Trả lại cho người có quyền lợi liên quan Lương Văn T, nơi ĐKKHKT và nơi ở : bản M, xã N, huyện S, Sơn La: 01(một) điện thoại di động hiệu VIVO, số IMEL1 860907035634471, số IMEL2 860907035634463.

- Trả lại cho người có quyền lợi liên quan Lò Văn N, nơi ĐKKHKT và nơi ở : bản M, xã M, huyện S, Sơn La: 01 (một) chiếc xe máy hiệu YAMAHA, biển kiểm soát 26K4 – 1958, số khung 043462, số máy 043467.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/8/2017 giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Mã).

4- Về án phí: Áp dụng Điều 99 BLTTHS; Các Điều 21, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự. Tổng cộng là 500.000đ (năm trăm ngàn đồng)

Bị cáo, người bị hại Trần Văn Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 21/9/2017; người có quyền lợi liên quan Lò Văn N, Lương Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết ./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- VKSND huyện
- Công an huyện;
- Trại giam;
- THA hình sự ;
- CCTHA Dân sự;
- Sở TP;
- Người có QLLQ;
- Bị cáo ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Bá Toàn